



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Báo cáo tài chính**



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành Phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành Phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0303171300) (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 10/10/2015), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27/11/2006 với mã chứng khoán là SAP.

**Vốn điều lệ:** 26.100.000.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2016:** 12.869.840.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 08.38353171
- Fax: (84) 08.38352027
- Website: www.sapco.com.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

### Nhân sự

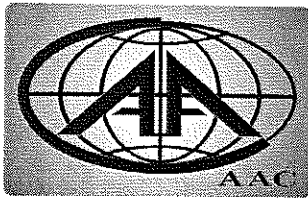
Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến thời điểm 31/12/2016 là 53 người. Trong đó, cán bộ khối quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                        |            |                          |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Trần Nhân Tâm    | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |
| • Ông Lê Chí Việ       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |
| • Ông Phan Chí Hùng    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |
| • Ông Nguyễn Việt Hồng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 332/2017/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17/03/2017, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 17, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ năm ngày 10/10/2015 thì mức vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 26.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm 31/12/2016, vốn góp thực tế của các cổ đông là 12.869.840.000 đồng.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 1233/BCKT/TC/NV8 ngày 04/03/2016 về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1  
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2017

**Lê Vĩnh Hà – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.584.763.114</b>	<b>2.008.822.043</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>404.732.164</b>	<b>428.673.002</b>
1. Tiền	111	5	404.732.164	428.673.002
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.437.090.803</b>	<b>660.613.195</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.403.590.303	660.613.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.480.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.a	7.020.500	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>738.780.283</b>	<b>914.593.523</b>
1. Hàng tồn kho	141		738.780.283	914.593.523
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.159.864</b>	<b>4.942.323</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.159.864	4.942.323
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.395.215.837</b>	<b>10.910.842.116</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>202.838.718</b>	<b>202.838.718</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	202.838.718	202.838.718
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>399.483.616</b>	<b>518.989.160</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	399.483.616	518.989.160
- Nguyên giá	222		21.152.537.281	21.152.537.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.753.053.665)	(20.633.548.121)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.186.677.683</b>	<b>1.186.677.683</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1.186.677.683	1.186.677.683
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.606.215.820</b>	<b>9.002.336.555</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.606.215.820	9.002.336.555
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>12.979.978.951</b>	<b>12.919.664.159</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.032.724.723</b>	<b>3.469.987.725</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.816.047.040</b>	<b>1.973.804.982</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	939.487.884	302.588.846
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	392.237.664	217.861.058
3. Phải trả người lao động	314		77.270.838	295.693.856
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	288.741.348	9.195.078
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15.a	131.872.542	66.668.015
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.100.036.214	1.195.397.579
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(113.599.450)	(113.599.450)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.216.677.683</b>	<b>1.496.182.743</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	44.545.060
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	234.960.000
3. Phải trả dài hạn khác	337	15.b	1.216.677.683	1.216.677.683
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>8.947.254.228</b>	<b>9.449.676.434</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>8.947.254.228</b>	<b>9.449.676.434</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	76.950.378	76.950.378
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	(3.999.536.150)	(3.497.113.944)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17	(3.497.113.944)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17	(502.422.206)	(3.497.113.944)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>12.979.978.951</b>	<b>12.919.664.159</b>



**Giám đốc**  
Lê Chí Viện

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Ngọc Cúc**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Ngọc Cúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	10.402.675.779	3.725.686.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		10.402.675.779	3.725.686.541
4. Giá vốn hàng bán	11	20	8.241.238.807	4.640.819.104
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>2.161.436.972</u>	<u>(915.132.563)</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.652.374	50.938.468
7. Chi phí tài chính	22	22	74.762.215	10.199.767
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		74.762.215	10.199.767
8. Chi phí bán hàng	25	23.a	331.980.889	138.879.108
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	2.066.466.193	2.151.334.102
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(309.119.951)</u>	<u>(3.164.607.072)</u>
11. Thu nhập khác	31	24	115.235.391	259.434.351
12. Chi phí khác	32	25	308.537.646	378.077.881
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(193.302.255)</u>	<u>(118.643.530)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>(502.422.206)</u>	<u>(3.283.250.602)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	213.863.342
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>(502.422.206)</u>	<u>(3.497.113.944)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(390)	(2.717)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	(390)	(2.717)



Lê Chí Viện

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	9.727.242.059	3.941.335.085
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(3.906.025.069)	(1.101.828.309)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.468.729.330)	(3.148.332.062)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 22;14	(75.527.478)	(1.004.689)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.126.973.014	55.139.151
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.335.165.043)	(3.644.641.354)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>68.768.153</b>	<b>(3.899.332.178)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	165.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	3.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 21	2.652.374	50.938.468
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.652.374</b>	<b>215.938.468</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33 16	2.309.675.366	1.195.397.579
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 16	(2.405.036.731)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(95.361.365)</b>	<b>1.195.397.579</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(23.940.838)</b>	<b>(2.487.996.131)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60 5</b>	<b>428.673.002</b>	<b>2.916.669.133</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 5</b>	<b>404.732.164</b>	<b>428.673.002</b>



Giám đốc

Lê Chí Viện

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In sách Giáo khoa TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0303171300) (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 10/10/2015), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27/11/2006 với mã chứng khoán là SAP.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: in ấn Sách, báo, tạp trí,...

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	06

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (47 năm);
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.6 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.16 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### **4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	54.426.875	29.891.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	350.305.289	398.781.040
<b>Cộng</b>	<b>404.732.164</b>	<b>428.673.002</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	1.230.159.906	598.824.630
Cty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	53.114.457	45.288.565
Công ty TNHH SX TM - DV Vạn An	120.315.940	-
Các đối tượng khác	-	16.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.403.590.303</b>	<b>660.613.195</b>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	1.230.159.906	598.824.630
Cty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	53.114.457	45.288.565
<b>Cộng</b>		<b>1.283.274.363</b>	<b>644.113.195</b>

### 7. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	6.800.000	-	-	-
Phải thu khác	220.500	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.020.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cổ tức 2013 chi vượt	202.838.718	-	202.838.718	-
<b>Cộng</b>	<b>202.838.718</b>	<b>-</b>	<b>202.838.718</b>	<b>-</b>

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 03/2016/NQ-ĐHĐTN ngày 23/04/2016, số cổ tức chi vượt này sẽ được xử lý từ nguồn Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích quỹ và bù trừ lỗ các năm trước.

### 8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	648.530.047	-	625.924.611	-
Chi phí SX, KD dở dang	55.334.951	-	98.258.601	-
Thành phẩm	34.915.285	-	190.410.311	-
<b>Cộng</b>	<b>738.780.283</b>	<b>-</b>	<b>914.593.523</b>	<b>-</b>

- Tại thời điểm 31/12/2016 không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng.
- Tại thời điểm 31/12/2016 không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.707.961.422	19.413.050.859	31.525.000	21.152.537.281
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.707.961.422</b>	<b>19.413.050.859</b>	<b>31.525.000</b>	<b>21.152.537.281</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.350.746.077	19.251.277.044	31.525.000	20.633.548.121
Khấu hao trong kỳ	43.766.124	75.739.420	-	119.505.544
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.394.512.201</b>	<b>19.327.016.464</b>	<b>31.525.000</b>	<b>20.753.053.665</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	357.215.345	161.773.815	-	518.989.160
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>313.449.221</b>	<b>86.034.395</b>	<b>-</b>	<b>399.483.616</b>

- Tại ngày 31/12/2016 không có TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 19.964.368.682 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà máy in Sách giáo khoa tại khu CN Cát Lái	1.186.677.683	1.186.677.683
<b>Cộng</b>	<b><u>1.186.677.683</u></b>	<b><u>1.186.677.683</u></b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí tiền thuê đất 2012 đang chờ miễn giảm	-	90.463.824
Chi phí thuê đất tại Cát Lái	8.606.215.820	8.911.872.731
<b>Cộng</b>	<b><u>8.606.215.820</u></b>	<b><u>9.002.336.555</u></b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP In và Vận tải Sài Gòn	173.657.660	115.168.242
Công ty CP In tổng hợp Cần Thơ	260.106.000	-
Công ty TNHH MTV In Ba Đình - XN II	158.575.994	-
CN Công ty TNHH MTV NXB Giao Thông Vận Tải	83.941.000	-
Công ty TNHH SX TM XNK Thuận An	83.600.000	42.900.000
Các đối tượng khác	179.607.230	144.520.604
<b>Cộng</b>	<b><u>939.487.884</u></b>	<b><u>302.588.846</u></b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	127.397.234	642.764.723	649.315.765	120.846.192
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	90.463.824	633.246.768	452.319.120	271.391.472
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>217.861.058</u></b>	<b><u>1.279.011.491</u></b>	<b><u>1.104.634.885</u></b>	<b><u>392.237.664</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lãi phải trả về vi phạm hợp đồng	234.960.000	-
Trích trước lãi vay	8.429.815	9.195.078
Trích trước chi phí vận chuyển	45.351.533	-
<b>Cộng</b>	<b>288.741.348</b>	<b>9.195.078</b>

### 15. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	52.460.140	51.435.213
Phải trả khác	49.625.415	1.603.215
Phải trả người lao động về NVL tiết kiệm được	29.786.987	13.629.587
<b>Cộng</b>	<b>131.872.542</b>	<b>66.668.015</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Công ty CP Bất động sản CT	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.216.677.683</b>	<b>1.216.677.683</b>

(\*) Đây là khoản tiền Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (NXB Thành phố) góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại Khu công nghiệp Cát Lái theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh và NXB Thành phố. Tuy nhiên dự án này không tiếp tục triển khai, hai bên đã thanh lý hợp đồng. Theo đó, số tiền NXB Thành phố góp vào xây dựng dự án là 1.186.677.683 đồng thống nhất bảo lưu. Công ty có trách nhiệm chuyển nhượng Dự án và hoàn lại cho NXB Thành phố sau khi Dự án được triển khai tiếp tục.

#### c. Phải trả khác – Bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	1.186.677.683	1.186.677.683
<b>Cộng</b>		<b>1.186.677.683</b>	<b>1.186.677.683</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng TMCP ĐT&PT - CN Sài Gòn	1.195.397.579	2.309.675.366	2.405.036.731	1.100.036.214
<b>Cộng</b>	<b>1.195.397.579</b>	<b>2.309.675.366</b>	<b>2.405.036.731</b>	<b>1.100.036.214</b>

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	12.869.840.000	1.170.799.044	146.332.600	14.186.971.644
Tăng trong kỳ	-	-	(3.497.113.944)	(3.497.113.944)
Giảm trong kỳ	-	1.093.848.666	146.332.600	1.240.181.266
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>12.869.840.000</b>	<b>76.950.378</b>	<b>(3.497.113.944)</b>	<b>9.449.676.434</b>
Số dư tại 01/01/2016	12.869.840.000	76.950.378	(3.497.113.944)	9.449.676.434
Tăng trong kỳ	-	-	(502.422.206)	(502.422.206)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>12.869.840.000</b>	<b>76.950.378</b>	<b>(3.999.536.150)</b>	<b>8.947.254.228</b>

(\*) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303171300 ngày 10/10/2015 là 26.100.000.000 đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2016 là 12.869.840.000 đồng.

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.151.700.000	4.151.700.000
Vốn góp của các cổ đông khác	8.718.140.000	8.718.140.000
<b>Cộng</b>	<b>12.869.840.000</b>	<b>12.869.840.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(3.497.113.944)	146.332.600
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(502.422.206)	(3.497.113.944)
Phân phối lợi nhuận	-	146.332.600
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (Giảm khác)	-	146.332.600
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>(3.999.536.150)</b>	<b>(3.497.113.944)</b>

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

<b>Vật tư nhận gia công</b>	<b>Số lượng</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Giấy in các loại	Ram	1.301,00	2.236,76
Thùng Carton	Cái	1.577,00	4.184,00

**19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu hoạt động in ấn	10.202.858.779	3.678.735.054
Doanh thu khác	199.817.000	46.951.487
<b>Cộng</b>	<b>10.402.675.779</b>	<b>3.725.686.541</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hoạt động in ấn	8.196.173.276	4.640.819.104
Giá vốn khác	45.065.531	-
<b>Cộng</b>	<b>8.241.238.807</b>	<b>4.640.819.104</b>

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.652.374	50.938.468
<b>Cộng</b>	<b>2.652.374</b>	<b>50.938.468</b>

### 22. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	74.762.215	10.199.767
<b>Cộng</b>	<b>74.762.215</b>	<b>10.199.767</b>

### 23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Cước vận chuyển	327.452.889	137.532.108
Các khoản khác	4.528.000	1.347.000
<b>Cộng</b>	<b>331.980.889</b>	<b>138.879.108</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	1.360.267.942	1.353.724.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.135.580	35.135.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.005.552	110.901.155
Các khoản khác	505.057.119	651.573.179
<b>Cộng</b>	<b>2.066.466.193</b>	<b>2.151.334.102</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Cho thuê mặt bằng	-	60.000.000
Thanh lý tài sản	-	148.200.000
Thu nhập từ tiết kiệm nguyên vật liệu nhận gia công	113.417.209	-
Thu nhập khác	1.818.182	51.234.351
<b>Cộng</b>	<b>115.235.391</b>	<b>259.434.351</b>

### 25. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí thuê đất tại Cát Lái	305.656.911	305.656.911
Các khoản khác	2.880.735	72.420.970
<b>Cộng</b>	<b>308.537.646</b>	<b>378.077.881</b>

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(502.422.206)	(3.283.250.602)
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>415.355.273</b>	<b>450.950.903</b>
- Điều chỉnh tăng- Chi phí không được trừ	415.355.273	450.950.903
- Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(87.066.933)	(2.832.299.699)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>213.863.342</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	213.863.342



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(502.422.206)	(3.497.113.944)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(502.422.206)	(3.497.113.944)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.286.984	1.286.984
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(390)</b>	<b>(2.717)</b>

### 28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.898.094.541	650.623.781
Chi phí nhân công	4.879.551.528	4.018.109.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.505.544	316.762.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.884.442.570	300.009.598
Chi phí khác bằng tiền	1.680.939.622	1.455.021.341
<b>Cộng</b>	<b>10.462.533.805</b>	<b>6.740.527.567</b>

### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ in ấn và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 30. Cam kết khác

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty (Bên A) với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh (NXBGD tại Tp.HCM (Bên B)), hai bên hợp tác góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa Tp. Hồ Chí Minh tại Lô số B1, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2.

Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ khu đất diện tích 10.000 m<sup>2</sup> tại KCN Cát Lái và NXBGD tại Tp.HCM góp vốn bằng toàn bộ chi phí xây dựng trên diện tích đất nêu trên. Kết quả kinh doanh được phân chia trên cơ sở kết quả lợi nhuận hoặc lỗ và rủi ro theo tỷ lệ 60% cho Công ty và 40% cho NXBGD tại Tp.HCM. Thời gian tính phân chia kết quả kinh doanh là 20 năm kể từ khi công trình được đưa vào khai thác sử dụng.

Thực tế hiện nay, việc đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa nêu trên đã chậm trễ và kéo dài trong nhiều năm qua do sự cố ngoài ý muốn. Công ty đã nhiều lần xin gia hạn về tiến độ dự án

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

và lần gần đây nhất đã có tờ trình xin giãn tiến độ dự án đến tháng 09/2013 sẽ xây dựng. Ngày 05/03/2013, Ban quản lý khu chế xuất – KCN TP.HCM có công văn số 736/BQL-PQLDA chấp thuận việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Do việc triển khai dự án này quá chậm nên hai bên tham gia liên doanh thống nhất thanh lý trước hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 với các nội dung chính như sau:

- Chi phí đầu tư xây dựng là 1.186.677.683 đồng thuộc về trách nhiệm của NXBGD tại Tp.HCM theo cam kết ban đầu (trong đó chi phí xây dựng tường rào của dự án là 1.063.949.681 đồng, chi phí thiết kế là 122.728.002 đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, NXBGD tại Tp.HCM đã chuyển cho Công ty số tiền là 1.186.677.683 đồng.
- Số tiền NXBGD tại Tp.HCM đã đầu tư vào dự án là 1.186.677.683 đồng được thống nhất bảo lưu; “Bên A có trách nhiệm chuyển nhượng lại Dự án và hoàn lại cho Bên B sau khi Dự án được triển khai tiếp tục”.

### **31. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	939.487.884	-	939.487.884
Chi phí phải trả	288.741.348	-	288.741.348
Vay và nợ thuê tài chính	1.100.036.214	-	1.100.036.214
Phải trả khác	79.412.402	1.216.677.683	1.296.090.085
<b>Cộng</b>	<b>2.407.677.848</b>	<b>1.216.677.683</b>	<b>3.624.355.531</b>

<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	302.588.846	44.545.060	347.133.906
Chi phí phải trả	9.195.078	234.960.000	244.155.078
Vay và nợ thuê tài chính	1.195.397.579	-	1.195.397.579
Phải trả khác	15.232.802	1.216.677.683	1.231.910.485
<b>Cộng</b>	<b>1.522.414.305</b>	<b>1.496.182.743</b>	<b>3.018.597.048</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hiện đang rủi ro thanh khoản nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	404.732.164	-	404.732.164
Phải thu khách hàng	1.403.590.303	-	1.403.590.303
Phải thu khác	220.500	202.838.718	203.059.218
<b>Cộng</b>	<b>1.808.542.967</b>	<b>202.838.718</b>	<b>2.011.381.685</b>

<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	428.673.002	-	428.673.002
Phải thu khách hàng	660.613.195	-	660.613.195
Phải thu khác	-	202.838.718	202.838.718
<b>Cộng</b>	<b>1.089.286.197</b>	<b>202.838.718</b>	<b>1.292.124.915</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 32. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty cổ phần Sách Dân Tộc	Chung Công ty đầu tư
Cty CP ĐT & PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015	
<b>Bán hàng</b>			
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ in ấn	6.816.391.256	2.469.391.530
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Dịch vụ in ấn	1.159.555.998	150.701.000
Công ty CP ĐT & PT GD Phương Nam	Dịch vụ in ấn	1.945.814.605	1.058.642.542
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Dịch vụ in ấn	73.748.250	-
<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>	
Thu nhập của Ban Giám đốc	417.000.000	338.000.000	

### 33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 34. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác



Giám đốc

Lê Chí Viên

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

**Trụ sở chính tại Đà Nẵng**

Lô 78-80, Đường 30/4,  
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam  
Tel : +(84-236) 3655 886  
Fax: +(84-236) 3655 887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan  
47-49 Hoàng Sa, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +(84-28) 3910 2235  
Fax: +(84-28) 3910 2349  
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 6, tòa nhà Việt Á  
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +(84-24) 3224 2403  
Fax: +(84-24) 3224 2402  
Email: aac.hn@aac.com.vn

**Văn phòng Hà Nội**

Phòng 1401, HACINCO  
B3.7 Hoàng Đạo Thúy,  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +(84-24) 6285 4661  
Fax: +(84-24) 6285 4696  
Email: aac.hanoi@aac.com.vn

Thành viên

 PrimeGlobal